

Những khó khăn trong việc giảng dạy biên dịch Việt – Hàn trình độ trung cao cấp

Hà Minh Thành*

Tóm tắt: Giảng dạy biên dịch không đơn thuần dừng lại ở việc truyền đạt và tăng cường kiến thức ngôn ngữ mà còn bao gồm trong đó cả việc trang bị những tri thức nền tảng, những kỹ năng và phương pháp để sinh viên có thể tự tin trong hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Bài toán này càng trở nên khó khăn hơn khi ngôn ngữ đích không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ của người dạy. Trong bài viết này, người viết khoanh vùng phạm vi nghiên cứu, chỉ ra những khó khăn trong việc giảng dạy học phần biên dịch (nội dung biên dịch Việt - Hàn) trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn giảng dạy. Mặc dù dựa trên phương pháp nghiên cứu trường hợp, nhưng kết quả thu được vẫn cung cấp cơ sở đối chiếu quan trọng để đánh giá liệu đây có phải là những khó khăn chung trong việc giảng dạy biên dịch Việt - Hàn tại các trường đại học ở Việt Nam hiện nay hay không? Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy những khó khăn đến từ giáo trình tài liệu, năng lực của sinh viên, hoạt động kiểm tra đánh giá, và từ chính giảng viên là những nhân tố gây ảnh hưởng tới việc thực hiện việc giảng dạy học phần biên dịch nói chung và biên dịch Việt - Hàn nói riêng. Từ đó, nghiên cứu này đặt ra yêu cầu cần có định hướng rõ ràng trong việc khắc phục những khó khăn nhằm đạt được mục tiêu giảng dạy biên dịch Việt - Hàn một cách hiệu quả.

Từ khoá: giảng dạy biên dịch; biên dịch Việt - Hàn; kiến tạo.

Ngày nhận: 27/12/2024; ngày chỉnh sửa: 31/3/2025; ngày chấp nhận đăng: 25/12/2025

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2025.11.5.8>

1. Đặt vấn đề

Dịch thuật được cho là đã xuất hiện từ rất sớm, bắt đầu từ thế kỷ III TCN ở Hy Lạp¹. Lúc đầu người ta dịch các bộ Kinh thánh, và coi đó như một sự “chuyển giao kiến thức”. Xuất phát từ Kinh thánh, các kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác như

thiên văn, vật lý, lịch sử, toán học, văn học, v.v. sau đó cũng được dịch và “chuyển giao” giữa các quốc gia, các khu vực trên toàn thế giới. Theo đó, quan điểm về biên dịch cũng thay đổi và hoạt động biên dịch ngày càng phát triển. Nếu như ban đầu văn bản được dịch theo “tự”, tức là bám sát nghĩa của từng từ thì dần dần đã thiên về chuyển tải bao gồm cả “ý nghĩa” hàm chứa trong bản gốc. Người dịch không đơn thuần là người chuyển nghĩa của từ mà phải đặt từ ngữ đó trong câu, khi kết hợp với các tổ hợp từ hay tư duy trong bối cảnh văn bản, và đặc

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội; email: haminhthanh@yahoo.com

¹ Ở hầu hết các nghiên cứu cũng như bài viết liên quan đến lịch sử ngành dịch thuật, thông tin này đều được đề cập rộng rãi. Người viết không tìm được trích dẫn từ tài liệu gốc mà chỉ tham khảo từ những tài liệu trích dẫn lại.

biệt còn phải biết chuyển hoá linh hoạt cho phù hợp với ngôn ngữ và văn hoá của ngôn ngữ đích. Không dừng lại ở đó, người ta đã nhận thức ra rằng biên dịch cần phải gắn với bối cảnh lịch sử, xã hội, và thậm chí cả chính trị, v.v.. Tuy nhiên, phải đến nửa sau thế kỷ XX nghiên cứu về dịch thuật mới trở thành ngành học thuật chuyên biệt. Do đó, giảng dạy về dịch thuật đã trở thành một phần quan trọng trong nghiên cứu dịch thuật, giúp nâng cao và phát triển ngành dịch thuật.

Biên dịch² nhìn chung được hiểu là hoạt động chuyển ngữ từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích bằng hình thức chữ viết (văn bản). Chữ viết được thể hiện đa dạng dưới các hình thức, các chủ đề thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Thông điệp giao tiếp và trao đổi được hình thành từ các nền văn hoá khác nhau được chuyển tải từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Để độc giả của ngôn ngữ đích có thể hiểu được thông điệp của văn bản dịch thì người biên dịch cần sử dụng tối đa và linh hoạt các tri thức về nội ngôn và ngoại ngôn³ của cả ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích. Vì vậy, giảng dạy biên dịch không đơn thuần dừng lại ở việc truyền đạt, nâng cao kiến thức về ngôn ngữ mà còn bao gồm những tri thức văn hoá, cùng những kỹ năng và kinh nghiệm trong biên dịch. Bài toán này càng trở nên khó khăn hơn khi ngôn ngữ đích không phải ngôn ngữ mẹ đẻ của người dạy. Thông thường, để đạt tới sự “trọn vẹn” trong văn bản dịch Việt - Hàn sẽ khó hơn so với văn bản dịch Hàn - Việt khi người dịch là người Việt Nam. Hiện nay, giảng viên đảm nhiệm học phần biên dịch tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, cũng như hầu hết các trường đại học có đào

tạo tiếng Hàn và Hàn Quốc học đều là người Việt Nam. Nói cách khác, giảng viên dạy học phần biên dịch cũng gặp phải những khó khăn chung của người Việt Nam khi hướng dẫn dịch hay trực tiếp dịch văn bản tiếng Việt sang tiếng Hàn.

Trong bài viết này, người viết khoanh vùng phạm vi nghiên cứu là những khó khăn trong việc giảng dạy học phần biên dịch, nội dung biên dịch Việt - Hàn qua kinh nghiệm thực tiễn giảng dạy. Mặc dù kết quả nghiên cứu được đưa ra chủ yếu dựa vào nghiên cứu trường hợp nhưng nghiên cứu cũng có thể trở thành căn cứ để so sánh, nhìn lại đó có phải những đặc điểm mang tính khó khăn chung của việc giảng dạy học phần biên dịch Việt - Hàn tại các trường đại học ở Việt Nam hay không? Từ việc nhận thức khách quan về thực trạng giảng dạy học phần biên dịch Việt - Hàn, người viết cũng đề xuất ý kiến gợi mở để cùng thảo luận nhằm cải thiện những vấn đề còn tồn tại, góp phần giúp việc giảng dạy học phần biên dịch Việt - Hàn trình độ trung cao cấp ở bậc đại học được hiệu quả hơn.

2. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu về giảng dạy biên phiên dịch nói chung và biên dịch nói riêng, nhiều ý kiến cho rằng khó có thể dạy dịch thuật vì con người chỉ có thể học được từ việc tự thực hành. Peter Newmark (1988) đã nhấn mạnh rằng kỹ năng dịch là “kỹ năng thủ công” (craft), chỉ có thể hoàn thiện thông qua việc thực hành liên tục để rèn luyện “trực giác” (intuition), điều mà giáo trình khó có thể truyền tải hết. Để có thể biên dịch và trở thành nhà biên dịch giỏi, ngoài kiến thức về ngôn ngữ và các kiến thức nền tảng khác cần có thì biên dịch cần đến năng khiếu. Do đó, khi giảng dạy biên dịch, người dạy không dễ hệ thống hoá các quy luật. Thêm vào đó, hoạt động biên dịch mang tính

² Biên dịch ở đây là chỉ hoạt động dịch viết, để phân biệt với phiên dịch là hoạt động dịch nói.

³ Nội ngôn là những kiến thức về ngôn ngữ (ngôn ngữ học), ngoại ngôn là kiến thức nền tảng (ngoài ngôn ngữ), bao gồm đầy đủ các yếu tố văn hóa, xã hội, v.v. liên quan đến ngôn ngữ đó.

chủ quan, là kết quả của quá trình tư duy, sáng tạo nên không phải học là có thể dịch được. Tuy nhiên, như chúng ta thấy biên dịch là một phần quan trọng, không thể thiếu trong đào tạo ngoại ngữ. Thực tế chứng minh bằng sự ra đời, tồn tại và hoạt động ngày càng phát triển của các trung tâm đào tạo dịch thuật, các chương trình đào tạo ở nhiều trường đại học trên khắp thế giới. Hiện nay giảng dạy dịch thuật không dừng lại ở việc gắn với chương trình đào tạo ngoại ngữ như một học phần trong chương trình mà đã trở thành một ngành học.

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã có không ít các bài nghiên cứu thể hiện quan điểm về phương pháp giảng dạy biên dịch trong các trường đại học. Trong khuôn khổ của bài viết này, người viết giản lược nội dung về lịch sử nghiên cứu liên quan tới phương pháp giảng dạy biên dịch nói chung ở trong và ngoài nước. Hiện nay ở Việt Nam còn thiếu vắng những nghiên cứu về phương pháp giảng dạy biên dịch, cụ thể là biên dịch Việt - Hàn⁴. Do đó, người viết tập trung vào nội dung biên dịch Việt - Hàn, và áp dụng lý thuyết về “kiến tạo” trong giảng dạy biên dịch của Donald Kiraly⁵ cho nghiên cứu của mình⁶. Donald Kiraly là người đưa khái

niệm “kiến tạo” và “truyền thụ” vào lĩnh vực giảng dạy biên dịch trong cuốn *A Social Constructivist Approach to Translator Education: Empowerment From Theory to Practice* (Tạm dịch: Cách tiếp cận theo chủ nghĩa kiến tạo xã hội đối với đào tạo dịch thuật: Từ lý thuyết tới thực tiễn) (Kiraly 2000).⁷ Nội dung cuốn sách nói về việc giảng dạy, đặc biệt là việc tiếp thu các kỹ năng và kiến thức liên quan đến dịch thuật. Dựa trên nền tảng lý thuyết, cung cấp nhiều ví dụ được rút ra từ kinh nghiệm sâu rộng trong lớp học của tác giả về đào tạo dịch giả và giảng dạy ngoại ngữ. Kiraly sử dụng một số nghiên cứu điển hình trong lớp học để minh họa cho phương pháp của mình, bao gồm: các khóa học giới thiệu về nghiên cứu dịch thuật, các khóa thực hành dịch thuật theo dự án, hội thảo nghiên cứu dịch thuật cũng như các lớp học ngoại ngữ theo chủ nghĩa tự nhiên dành cho sinh viên dịch thuật. Sách này chủ yếu hướng đến đối tượng là các nhà giáo dục dịch thuật, sinh viên dịch thuật, đồng thời cũng hữu ích với các giáo viên ngoại ngữ kết hợp dịch thuật vào việc giảng dạy, các học giả dịch thuật và những người tham gia vào việc dịch thuật.

“Kiến tạo” tiếp cận theo chủ nghĩa kiến tạo xã hội được đặt trên cơ sở triết lý giáo dục về việc tạo ra môi trường để người học tự kiến tạo kiến thức thông qua tương tác xã hội và trải nghiệm thực tế, có nghĩa là con người có thể cùng nhau kiến tạo nên tri thức. Hiểu theo cách này, khi kiến tạo trong giảng dạy biên dịch ở bậc đại học, giảng viên đóng vai trò là người hỗ trợ, tạo ra không gian và gợi mở tri thức để sinh viên xác định mục tiêu bài học, quyết định loại hình văn bản dịch, quá trình dịch và cả đánh

⁴ Theo khảo sát của người viết, những bài viết tham dự hội thảo khoa học quốc tế tại Việt Nam và bài viết đăng trên Tạp chí Hàn Quốc liên quan tới chủ đề về biên phiên dịch tiếng Hàn thường tập trung vào việc xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng biên phiên dịch, khảo sát các lỗi biên phiên dịch... Tuy nhiên, các nghiên cứu này hoặc là không tách biệt biên dịch và phiên dịch, hoặc là không tách riêng biên dịch Hàn-Việt và Việt-Hàn, hoặc là chỉ đề cập tới biên dịch Hàn - Việt.

⁵ Donald Kiraly (1953 ~), nhà ngôn ngữ học và sư phạm dịch thuật người Mỹ.

⁶ Ở Việt Nam, tiêu biểu có thể kể đến nghiên cứu của Nguyễn Thị Như Ngọc (2020) trong bài viết “Nghiên cứu về phương pháp giảng dạy biên dịch ở bậc đại học” với nội dung tổng hợp và phân tích một số phương pháp giảng dạy biên dịch trên thế giới trong đào tạo dịch thuật bậc đại học. Bài viết đã cung cấp nguồn tư liệu tham khảo về các phương pháp sư phạm trong đào tạo dịch thuật giúp giảng viên đưa ra giải pháp phù hợp trong việc đào tạo biên dịch đối với trường hợp ngoại ngữ là tiếng Anh. Trong nghiên cứu của mình, tác giả có đề cập tới phương

pháp giảng dạy dịch thuật xuất phát từ hai quan niệm kiến tạo và truyền thụ trong giảng dạy.

⁷ Lược dịch phần giới thiệu sách trên trang web: <https://www.routledge.com/A-Social-Constructivist-Approach-to-Translator-Education-Empowerment-from-Theory-to-Practice/Kiraly/p/book/9781900650335>

giá bản dịch của bản thân cũng như các sinh viên khác cùng tham gia lớp học. Ngược lại, theo phương pháp “truyền thụ” trong giảng dạy biên dịch ở bậc đại học, mỗi cá nhân sinh viên lại đóng vai trò là nơi tiếp nhận tri thức từ giảng viên. Lúc này, giảng viên sẽ là người truyền thụ tri thức, chủ động quyết định mục tiêu bài học cũng như nội dung văn bản dịch, đánh giá năng lực dịch của sinh viên. Theo Lê Hùng Tiến (2022), từ năm 1995, Kiraly cũng tổng kết phương pháp giảng dạy biên dịch thành các nguyên tắc về đường hướng sư phạm trong biên dịch theo hướng kiến tạo gồm: cần chú trọng vào sự hình thành những liên tưởng liên ngôn ngữ, liên văn hoá và liên văn bản; lấy phân tích lỗi làm nguồn tài liệu giảng dạy hữu ích; đặt việc phát triển năng lực tự ý niệm của người dịch và một cơ chế giám sát bản dịch là mục tiêu chính; dần dần hướng tới chất lượng dịch thuật ở mức độ trên mức độ chính xác về ngữ nghĩa và cú pháp; việc đào tạo cần được tổ chức lại với một khung lý thuyết cho phép nhận diện được các nguồn lực tri nhận mà học viên cần có và những biện pháp sư phạm để dạy và đánh giá mức độ đạt được những kỹ năng và kiến thức đó.

Như vậy có thể hiểu “kiến tạo” trong giờ dạy và học biên dịch mà Kiraly đưa ra là phương pháp cần thiết và phù hợp với sự phát triển chung mang tính sáng tạo, gắn liền với thực tiễn. Giảng dạy biên dịch ở bậc đại học không chỉ là quá trình giảng viên truyền đạt tri thức, kỹ năng biên dịch cho sinh viên mà hơn thế, đó là quá trình cùng kiến tạo nên kiến thức giữa giảng viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên qua tương tác và thực hành. Phương pháp truyền thống nghiêng về truyền thụ để cố gắng hình thành những kỹ năng liên quan đến biên dịch, tiếp thu những kiến thức xa rời thực tiễn ở các văn bản dịch gò bó đã không còn phù hợp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở lý thuyết “kiến tạo” của Kiraly cùng những đường hướng trong giảng dạy biên dịch của ông, người viết đối chiếu với thực tiễn giảng dạy biên dịch Việt - Hàn ở Việt Nam, cụ thể hoá ở học phần biên dịch Việt - Hàn tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội để từ đó chỉ ra những khó khăn trong việc giảng dạy học phần biên dịch Việt - Hàn. Dựa trên phạm vi nghiên cứu đã được thiết lập, bài viết sẽ tập trung vào đối tượng nghiên cứu là giảng dạy biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hàn. Khi giảng dạy biên dịch Hàn - Việt, giai đoạn tiếp nhận văn bản sẽ khó khăn hơn việc tái tạo văn bản, ngược lại khi giảng dạy biên dịch Việt - Hàn, giai đoạn tái tạo văn bản sẽ khó khăn hơn so với việc tiếp nhận văn bản. Nói cách khác, không thể đơn giản khẳng định được rằng biên dịch cũng như giảng dạy biên dịch Việt - Hàn và Việt - Hàn nội dung nào khó hơn hay dễ hơn vì mỗi loại hình có những đặc điểm, đặc tính riêng. Để nghiên cứu được rõ ràng và hiệu quả hơn cần tách riêng biên dịch Hàn - Việt và Việt - Hàn. Mục tiêu của bài viết là phân tích, chỉ ra những khó khăn giảng viên gặp phải khi giảng dạy học phần biên dịch Việt - Hàn thông qua những ví dụ và tình huống thực tế giảng dạy.

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, ngoài các thao tác cơ bản trong nghiên cứu xã hội nhân văn như thu thập tài liệu, xử lý thông tin, v.v. người viết đã sử dụng phương pháp nghiên cứu thực tiễn. Phương pháp này được cụ thể hoá bằng phương pháp quan sát. Quan sát trực tiếp quá trình sinh viên tham gia học phần biên dịch Việt - Hàn. Việc quan sát thông qua hoạt động trực tiếp giảng dạy giúp người viết đánh giá được mức độ tham gia vào giờ học, mức độ tiếp nhận nội dung và sự hứng thú hay không với những nội dung bài học thông qua cử chỉ, biểu

cảm. Tài liệu thu thập được qua quan sát là những ý kiến trao đổi, phát biểu và thảo luận của sinh viên trong quá trình học. Ngoài ra, kết quả của những bài tập thực hành biên dịch, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ cũng là đối tượng chính để người viết phân tích và đánh giá phục vụ cho nghiên cứu. Cùng với hoạt động quan sát, người viết sử dụng phương pháp phân tích, đánh giá và tổng kết kinh nghiệm, hay còn gọi là phương pháp kết hợp lý thuyết với thực tế. Từ những hoạt động thực tế trong quá trình trực tiếp giảng dạy học phần biên dịch Việt - Hàn, để rút ra những kết luận khái quát về những khó khăn mà việc giảng viên dạy học phần biên dịch nói chung học phần biên dịch Việt - Hàn tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã và đang gặp phải.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Giáo trình và tài liệu hỗ trợ giảng dạy

Ở Việt Nam, biên dịch Việt - Hàn hiện chưa được tách ra thành ngành học, mà đang được đào tạo như một học phần trong chương trình ngôn ngữ Hàn Quốc hoặc như một chuyên ngành. Sau 30 năm⁸ tiếng Hàn chính thức được đào tạo, nhu cầu học tập và hiểu biết về tiếng Hàn đã không ngừng tăng lên không chỉ về số lượng có thể khẳng định qua các số liệu ấn tượng⁹ mà chất lượng chuyên sâu cũng ngày càng được

yêu cầu cao hơn. Tại các trường đại học có đào tạo tiếng Hàn và Hàn Quốc học, đào tạo tiếng Hàn không chỉ dừng lại ở đào tạo ngoại ngữ mà còn đào tạo biên - phiên dịch với các học phần độc lập được chuyên biệt hoá. Một số trường đã tách biên phiên dịch như một bộ môn độc lập, có định hướng rõ ràng trong đào tạo. Tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã xây dựng học phần Đối dịch Hàn Việt (bao gồm cả biên phiên dịch, dịch Hàn - Việt và dịch Việt - Hàn) với dung lượng 2 tín chỉ, là học phần tự chọn dành cho sinh viên năm thứ 4 từ năm 2009. Năm 2021, sau khi tách riêng ngành Hàn Quốc học thuộc Khoa Đông phương học, chương trình đào tạo được sửa đổi cho phù hợp với nhu cầu xã hội cũng như thực tiễn đào tạo thì biên dịch và phiên dịch đã được xây dựng thành hai học phần. Mỗi học phần 3 tín chỉ bao gồm cả dịch ngược (Việt - Hàn) và dịch xuôi (Hàn - Việt). Học phần biên dịch được thực hiện trong 15 tuần học, mỗi tuần 6 tiết gồm 3 tiết biên dịch Việt - Hàn và 3 tiết biên dịch Hàn - Việt¹⁰. Đây là học phần bắt buộc được tiến hành ở học kỳ 7 (học kỳ I, năm thứ 4). Nói cách khác, đối tượng sinh viên tham gia học phần này là những sinh viên có trình độ tiếng Hàn tương đương Topik 3 trở lên.

Với bất kỳ học phần nào, một trong những nội dung quan trọng bậc nhất khi đề cập đến hiệu quả giảng dạy đó là tài liệu giảng dạy. Theo tìm hiểu của người viết và tham khảo số liệu thống kê từ nghiên cứu “Bài học về đào tạo biên phiên dịch ở Hàn Quốc để nâng cao chất lượng đào tạo biên phiên dịch tại Việt Nam” (Trần Thị Hường và cộng sự 2022), trong số 19 trường đại học ở Việt Nam hiện đang giảng dạy học phần biên dịch tiếng Hàn chỉ có 5 trường¹²

⁸ Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội đào tạo thử nghiệm tiếng Hàn từ năm 1993, chính thức từ năm 1995 sau khi thành lập Bộ môn Hàn Quốc học, thuộc Khoa Đông phương học.

⁹ Quan hệ hợp tác giữa Hàn Quốc và Việt Nam được nâng cấp thành đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2022, khẳng định sự phát triển vượt bậc và toàn diện cho thấy nhu cầu học tập, nghiên cứu về tiếng Hàn, Hàn Quốc học không ngừng gia tăng khi có tới 46 trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam đào tạo về tiếng Hàn và Hàn Quốc học (theo số liệu của văn phòng KF tại Hà Nội năm 2024).

¹⁰ Học phần 3 tín chỉ nhưng số giờ thực hành được tính nhiều hơn số giờ lý thuyết nên theo phân bổ thì tổng số giờ thực dạy trên lớp là 90 tiết, 45 tiết dịch Hàn - Việt và 45 tiết dịch Việt - Hàn.

liệt kê cụ thể một hoặc hai cuốn sách được sử dụng làm giáo trình. Các trường còn lại, trong đó bao gồm cả Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Hà Nội, v.v. là những trường giảng dạy tiếng Hàn sớm nhất ở Việt Nam đều không ghi rõ tên giáo trình cụ thể, mà ghi chung chung: *Giáo trình tự biên soạn, Tập bài giảng do giảng viên tự biên soạn, Tài liệu do giảng viên phụ sách chuẩn bị*, v.v.. Trong số các giáo trình này, giáo trình giảng dạy biên dịch và phiên dịch tiếng Hàn cũng hạn chế (chỉ có một hai cuốn), còn lại là các tài liệu biên phiên dịch bằng tiếng Hàn về lý thuyết nhập môn biên phiên dịch nói chung, không cụ thể dành cho biên phiên dịch tiếng Hàn.

Thực trạng trên cho thấy giáo trình biên phiên dịch còn rất hạn chế về số lượng, đặc biệt giáo trình dành riêng cho biên dịch Việt - Hàn chưa xuất hiện. Tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, giảng viên phụ trách học phần¹³ căn cứ vào đề cương chi tiết để chuẩn bị, biên soạn tài liệu giảng dạy. Theo đề cương chi tiết, học phần biên dịch Việt - Hàn sẽ bao gồm cả nội dung lý thuyết và thực hành nhưng thiên về thực hành (13/15 chủ đề) với các chủ đề đa dạng. Tài liệu do giảng viên chuẩn bị, đa phần được tải xuống từ internet gồm những bài báo, bài viết, v.v. có nội dung liên quan đến chủ đề văn bản dịch. Những văn bản này có thể được thay đổi, cập nhật theo kỳ hoặc theo giảng viên phụ trách. Dưới đây là bảng tóm tắt kế hoạch nội dung học phần biên dịch Việt - Hàn được thực hiện vào học kỳ I năm học 2023-2024.

Bảng 1: Phân bố nội dung giảng dạy học phần biên dịch (Việt - Hàn)

Tuần	Nội dung (chủ đề)
Tuần 1	Nhập môn, lý thuyết về biên dịch
Tuần 2	Biên dịch Việt - Hàn: Những thuận lợi và khó khăn
Tuần 3	Tiêu đề: Báo chí, phim ảnh, tác phẩm văn học, báo cáo, v.v..
Tuần 4	Thư cảm ơn/ xin lỗi
Tuần 5	Phát biểu khai mạc/ chúc mừng
Tuần 6	Bản tin (chủ đề kinh tế)
Tuần 7	Bản tin (chủ đề văn hoá, xã hội, v.v.)
Tuần 8	Bản tin (chủ đề chính trị, lịch sử, v.v.)
Tuần 9	Công văn
Tuần 10	Hợp đồng thuê nhà
Tuần 11	Hợp đồng làm việc
Tuần 12	Quảng cáo/ giới thiệu sản phẩm
Tuần 13	Tác phẩm văn học: Thơ
Tuần 14	Tác phẩm văn học: Trích đoạn truyện ngắn (tiểu thuyết)
Tuần 15	Bài nghiên cứu (trích bài tạp chí)

¹¹ Gồm các trường: Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; Đại học Bà Rịa Vũng Tàu; Đại học Văn Lang; Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

¹² Giảng viên phụ trách học phần không cố định một người, mà có thể thay đổi tùy theo kỳ. Phụ thuộc vào lịch trình của giảng viên và kế hoạch đào tạo của Bộ môn.

Xây dựng nội dung bài giảng theo kế hoạch như trên, về phần lý thuyết dịch, giảng viên cần đọc các tài liệu liên quan đến lý thuyết biên dịch bằng tiếng Hàn, tiếng Việt, tiếng Anh rồi dựa trên kinh nghiệm biên dịch của mình để tóm tắt, biên soạn lại cho dễ hiểu, minh họa bằng các ví dụ để sinh viên có thể hiểu và áp dụng được vào thực tế thực hành. Việc này tốn không ít thời gian và cũng không chắc đảm bảo sự hoàn thiện về lý thuyết dịch nói chung và lý thuyết dịch Việt - Hàn nói riêng vì bản thân giảng viên không tốt nghiệp chuyên ngành biên phiên dịch, cũng chưa được học các khoá đào tạo hay hướng dẫn giảng dạy về biên dịch. Giảng viên chủ yếu tự đọc, tự học, tự đúc rút từ kinh nghiệm thực tế làm việc của bản thân. Với các chủ đề/ nội dung thực hành, để tránh việc văn bản chỉ mang tính đưa thông tin đơn điệu, các tài liệu được chuẩn bị theo chủ đề tương đối phong phú, đa dạng các loại hình văn bản. Tuy nhiên, để có thể đáp ứng được yêu cầu cho một văn bản dịch về tính phù hợp, độ chính xác, mức độ khó dễ, loại hình văn bản, độ dài văn bản, và tính hấp dẫn cũng như tính thời sự thì cần đầy nhanh và mạnh hơn công tác chuẩn bị cho sự ra đời của giáo trình, hoặc bài giảng biên dịch Việt - Hàn chính thống.

Tập tài liệu tự biên soạn có ưu điểm giảng viên có thể chủ động và linh hoạt trong việc sửa đổi, cập nhật nội dung. Tuy nhiên, việc kế thừa những tài liệu này cũng gần như không được thực hiện giữa các giảng viên. Văn bản dịch được tham khảo từ nhiều nguồn, trên cơ sở tìm kiếm, sưu tầm và xử lý tài liệu rồi biên soạn bởi giảng viên phụ trách học phần nên khi tài liệu chưa được công bố thì quyền cũng cũng là vấn đề cần được quan tâm. Thêm vào đó, mỗi giảng viên có thể có quan điểm và phương pháp thực hiện khác nhau, nên tài liệu thiếu tính hệ thống, chưa được chuẩn hoá, không theo quy phạm rõ ràng, ngoại trừ những bài giảng tuy chưa được xuất bản nhưng đã được nhà

trường nghiệm thu để lưu hành nội bộ. Như vậy, việc thiếu giáo trình, tài liệu giảng dạy không đồng bộ và chưa hệ thống chính là khó khăn đầu tiên và mang tính cốt lõi đối với giảng viên giảng dạy học phần biên dịch Việt - Hàn.

4.2. Năng lực và thói quen của sinh viên

Đối với học phần biên dịch Việt - Hàn, năng lực của sinh viên mà người viết muốn đề cập trước tiên đó là năng lực tiếng Hàn. Học phần biên dịch Việt - Hàn là học phần bắt buộc, thực hiện ở học kỳ I của sinh viên năm thứ 4. Nói cách khác, sinh viên đã hoàn thành xong học phần tiếng Hàn cao cấp (giáo trình Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam, cuốn 6). Theo yêu cầu của tiến trình đào tạo, sinh viên đã đáp ứng đủ điều kiện và khả năng để theo học học phần biên dịch. Tuy nhiên trên thực tế, ngoài kiến thức về từ vựng và ngữ pháp, kiến thức về từ chuyên ngành và kiến thức nền tảng vẫn còn là lỗ hổng tương đối lớn. Trong các giờ học thực hành tiếng, sinh viên cũng đã được cung cấp khối lượng từ vựng đa dạng để luyện các kỹ năng ngôn ngữ, nhưng đa phần sinh viên làm tốt những hoạt động mang tính tiếp nhận, còn khi phải ứng dụng trong việc thực hành biên dịch các văn bản đa dạng về nội dung, văn phong thì sinh viên sẽ cảm thấy lúng túng. Sinh viên thường rơi vào tình trạng thấy “quen quen”, “mang máng”, v.v.. Nói cách khác, sinh viên không nắm chắc được từ vựng hoặc cách diễn đạt không quen thuộc, dẫn tới việc phụ thuộc quá nhiều vào từ điển trong khi thực sự chưa biết cách tra cứu, không biết cách lựa chọn trong số những nghĩa mà từ điển cung cấp thì đâu mới là đáp án thích hợp cho văn bản mình đang dịch. Đặc biệt, vấn đề trở nên khó khăn hơn khi gặp các dạng văn bản không thuộc sở trường hoặc không phổ biến.

Ví dụ, trong bài dịch về hợp đồng thuê đất đai nhà xưởng có xuất hiện nội dung: *Phương thức thanh toán tiền thuê đất: Trả*

*hàng năm hoặc trả một lần cho 50 năm*¹³. Với văn bản này, ngoài từ “thuê” (임대), “trả một lần” (일괄 지불) là những từ và cụm từ gây khó khăn cho sinh viên chọn đúng đáp án phù hợp thì “đất” cũng là một thử thách không dễ dàng. Riêng từ “đất” khi dịch sang tiếng Hàn có hơn 4 lựa chọn như: 땅, 흙, 토양, 토지, v.v.. Sinh viên thường quen thuộc với “땅” hoặc “흙”. Tuy nhiên, trong trường hợp này không thể dùng 3 trong 4 từ được kể trên. “땅” thường được sử dụng trong trường hợp chỉ đất đai nói chung, bề mặt đất hoặc khu vực lớn bao gồm cả đất đai và các thành phần khác như cây cỏ, v.v., “흙” thường được sử dụng để chỉ một loại đất cụ thể, nhấn mạnh tính vật chất của nó, loại đất đai (đất đỏ, đất bazan, v.v.), “토양” thường được sử dụng trong ngữ cảnh khoa học, nghiên cứu về đất đai, nông nghiệp hoặc môi trường và thường nhắc đến thành phần chính của đất, bao gồm các hạt đất, vật chất hữu cơ, khoáng chất, v.v.. Chỉ có “토지” mới là đáp án phù hợp trong văn bản này vì “토지” thường được sử dụng trong bối cảnh chỉ đất đai trong một ngữ cảnh pháp lý hoặc kinh doanh, giao dịch bất động sản, lĩnh vực nông nghiệp hoặc xây dựng.

Đặc biệt, sinh viên thường không tuân thủ các bước cần có trong biên dịch trong khi vẫn đang thiếu kiến thức nền. Ba bước cần có để hoàn thiện dịch một văn bản gồm: tiếp nhận văn bản, sản sinh văn bản và biên tập văn bản. Tiếp nhận văn bản là quá trình tìm hiểu văn bản, xác định loại hình văn bản rồi phân tích văn bản. Ở bước này, sinh viên không gặp khó khăn lớn với văn bản nguồn là tiếng Việt. Tuy nhiên, sinh viên thường

chủ quan, không phân tích kỹ văn bản nên dễ dẫn đến hiểu sai hoặc nhầm ý đồ của bài viết, thậm chí hiểu sai từ và cách diễn đạt của tiếng Việt. Bước tiếp theo là sản sinh văn bản hay còn gọi là tái tạo văn bản, là quá trình tra cứu, vận dụng những kiến thức, kỹ năng có được để dịch văn bản sang tiếng Hàn. Cuối cùng là bước biên tập. Hầu như sinh viên không có thói quen đọc, chỉnh sửa lại bản dịch của mình khiến bản dịch thường trong tình trạng rất “thô”, nhiều lỗi đánh máy, lỗi diễn đạt, thậm chí dịch sai. Để có thể triển khai các tiết học theo quan điểm kiến tạo, giảng viên phải dành nhiều thời gian giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của các bước này. Nếu không, dù giảng viên có cố gắng truyền đạt cho sinh viên những kỹ năng cơ bản của cả quá trình dịch từ giai đoạn chuẩn bị đến khi biên tập để hoàn thiện văn bản dịch cuối cùng thì sinh viên vẫn không tuân thủ trong giờ thực hành. Không ít sinh viên bỏ qua công đoạn tiếp nhận văn bản, biên tập văn bản, chỉ chú tâm vào việc tái tạo văn bản và chờ đợi “đáp án mẫu” từ giáo viên. Thực trạng “nhảy cóc” trong biên dịch dần dần biến thành thói quen xấu rất khó sửa, điều này còn diễn ra với cả những sinh viên có tố chất và khả năng biên dịch.

Trong nội dung biên dịch tiêu đề, với tiêu đề bài báo: *Người đàn ông “yêu rác cháy bỏng” và giấc mơ biến rác thành tiền*¹⁴, sinh viên đã bỏ qua bước phân tích văn bản, chỉ đề ý đến nghĩa của từ, kết hợp tham khảo phần mềm dịch máy để đưa ra đáp án: "쓰레기를 불타게 사랑"하고 쓰레기를 돈으로 바꾸는 꿈을 꾸는 남자 (sinh viên 1), hay "쓰레기를 간절히 사랑하는" 남자와 쓰레기를 돈으로 바꾸는 꿈을 꿈 (sinh viên 2). Cả hai phương án trên đều chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng bản dịch. Từ dùng chưa chính xác, diễn đạt lủng củng không đúng văn phong,

¹³ Đáp án tham khảo: 토지 임대료 지불 방식: 매년 지불 또는 50년치 일괄 지불 (O)

Đáp án của sinh viên:

Sinh viên 1: 땅 임대료 계산 방식: 50년 내내 한 번만 지불하거나 매년에 따라 지불합니다. (X)

Sinh viên 2: 흙 빌리료 계산 방식: 연불이나 50년 일시불 (X)

¹⁴ Tiêu đề bài báo đăng trên báo điện tử Dân trí, ngày 21/10/2021.

gây khó hiểu cho người Hàn Quốc. Lý do bắt nguồn từ việc sinh viên chưa thực sự hiểu rõ ý đồ hàm chứa trong tiêu đề khi bỏ qua bước tìm hiểu phân tích văn bản nguồn. “Yêu rác cháy bóng” là muốn nói đến nhiệt huyết, sự quan tâm của một người đàn ông nọ với vấn đề xử lý rác, mong muốn làm cho những thứ bỏ đi trở thành những thứ có giá trị. Trong trường hợp này, có thể đưa ra đáp án tham khảo hợp với văn phong tiếng Hàn, đề người Hàn Quốc có thể hiểu ngay được nội dung chính cũng như ý đồ (mục đích) của bài viết như sau: “쓰레기에 열정을 쏟는 남자, 쓰레기를 돈으로 만드는 꿈.”

Kiến thức nền tảng trong đó bao gồm chủ yếu kiến thức về văn hoá luôn rất cần thiết đối với người biên dịch. Tuy Việt Nam và Hàn Quốc có nhiều điểm tương đồng về văn hoá nhưng để có được những hiểu biết sâu rộng giữa hai ngôn ngữ thì sinh viên cần phải đọc nhiều, tìm hiểu nhiều hơn. Ngoài những “hiền ngôn” thì việc nắm bắt chính xác những kiến thức mang tính quy chuẩn hoặc những đặc điểm mang nét truyền thống của văn hoá giữa hai quốc gia là điều không dễ dàng. Những ẩn ý hay nghĩa bao hàm có thể xuất hiện ở những văn bản mang tính cảm xúc như tác phẩm văn học, điện ảnh, quảng cáo, v.v. mà nếu chỉ giỏi ngôn ngữ thôi thì chưa đủ để có được một bản dịch hoàn thiện. Với tiêu đề bài thơ “Tình già” (1932) của Phan Khôi, có đến hơn 60% sinh viên trong lớp đã nhanh chóng đưa ra phương án: “노인의 사랑, “늙은 사랑”, số còn lại dùng “오래된 사랑”, “오랜 정”. Khi được giảng viên yêu cầu phân tích về sự khác biệt này, sinh viên đánh giá theo cảm tính rằng “Có vẻ như 오래된 사랑 mang tính văn học hơn” nhưng cũng không tự tin khẳng định chắc chắn. Trên thực tế, đây là bài thơ viết về tình yêu đôi lứa. Họ đã từng yêu nhau tha thiết, nhưng chuyện tình dang dở, họ xa nhau rồi tình cờ gặp lại sau 24 năm với nỗi nhớ nguyên vẹn về thời thanh xuân đầy tiếc

nuối. Do sinh viên thiếu kiến thức nền tảng về tác phẩm văn học, không biết và chưa từng đọc “Tình già” mà chỉ căn cứ ngữ nghĩa của tiêu đề để dịch, trong khi “옛사랑” mới là đáp án phù hợp.

Một ví dụ khác nữa cũng cho thấy về sự khác biệt văn hoá giữa Việt Nam và Hàn Quốc mà sinh viên đã bỏ qua khi dịch thành ngữ “đàn gảy tai trâu”. Trâu thì không biết nghe và thường thức đàn vậy mà lại mang đàn ra để gảy cho trâu nghe thì phí công người chơi đàn. Với người Việt Nam, thành ngữ này được sử dụng với nghĩa bóng trong trường hợp nói điều gì đó nhiều lần cho người khác nghe mà người đó không hiểu, không chịu tiếp thu. Thành ngữ mang hàm ý chê bai không chỉ người nghe mà với cả người nói. Căn cứ vào ngữ nghĩa của từ, sinh viên đã dịch sang tiếng Hàn: “물소 귀에 음악을 연주하기”. Đáp án này rất xa lạ với người Hàn Quốc, không chỉ vì từ “물소”(con trâu) mà còn bởi tổng thể không phù hợp. Trong sinh hoạt của người Việt thì vật (con trâu) gần gũi và quen thuộc nhưng với người Hàn thì không. Ngoài ra, thành ngữ này cũng bắt nguồn từ Trung Quốc phiên âm tiếng Hàn là “대우탄금” (對牛彈琴). Tuy nhiên, ngay cả cách dùng này cũng không phổ biến ở Hàn Quốc, nếu có dùng thành ngữ 4 chữ thì sẽ là: “우이독경” (牛耳讀經). Trong cuộc sống thường nhật hiện nay của người Hàn Quốc, cách nói “소귀에 경 읽기”(Đọc kinh bên tai bò, Đọc kinh cho bò nghe) mới là đáp án phù hợp cho thành ngữ “đàn gảy tai trâu”.

Tiếp theo, thảo luận và phân tích các phương án dịch là hoạt động cần thiết và quan trọng trong giờ học biên dịch theo phong cách kiến tạo nhưng giảng viên không dễ triển khai. Vì sinh viên lệ thuộc vào kết quả bản dịch mình nhận được từ các phần mềm dịch máy hiện nay như Chat

GPT, Papago, Google dịch, Gemini¹⁵, v.v. nên các phương án dịch máy đa phần giống nhau. Sinh viên lười suy nghĩ, không cân nhắc trong việc sử dụng những phương án đó như tài liệu tham khảo mà coi đó là đáp án. Giảng viên giao bài tập về nhà hoặc trong giờ thực hành trên lớp, khi được sử dụng các phương tiện hỗ trợ như từ điển, tra cứu thông tin trên internet, v.v. thì ngay lập tức sinh viên đã sử dụng các phần mềm dịch, thay vì thực hiện các bước phân tích, tái tạo, và biên tập văn bản dịch. Điều này dẫn đến tình trạng kết quả bài dịch của các sinh viên không có sự khác biệt, mắc cùng những lỗi sai như sau. Do đó, khi giảng viên triển khai việc phân tích lỗi sai của bạn học thì sinh viên không thể chỉ ra lỗi sai của người khác. Cũng có những sinh viên sử dụng phần mềm dịch máy chỉ để tham khảo, chỉnh sửa (biên tập) nội dung phần mềm dịch sẵn để làm phương án dịch của mình. Tuy nhiên không phải sinh viên nào cũng có đủ khả năng nhận biết đúng sai để biên tập văn bản do phần mềm dịch máy đã dịch. Điều này sẽ trở nên “nguy hiểm” với khả năng phát triển năng lực tiếng Hàn của bản thân sinh viên, khiến cho giờ học biên dịch trở nên nhàm chán, kém hiệu quả. Thêm vào đó, khả năng tiếng Hàn của sinh viên không đồng nhất nên khó có thể nhận xét văn bản dịch của bạn học trong trường hợp mình thậm chí không thể tự dịch hoàn chỉnh văn bản được yêu cầu, phải phụ thuộc vào phần mềm dịch máy hoặc trông chờ đáp án từ giảng viên.

4.3. Hoạt động kiểm tra đánh giá

Kiểm tra đánh giá là hoạt động không thể thiếu trong giảng dạy, với tất cả các học

phần không chỉ riêng học phần biên dịch. Với học phần biên dịch Việt - Hàn, kiểm tra đánh giá được tính trên ba đầu điểm bao gồm điểm thường xuyên (10%), điểm giữa kỳ (30%) và điểm cuối kỳ (60%). Điểm thường xuyên không chỉ đánh giá việc tham gia lớp học đầy đủ mà trong đó bao gồm ý thức làm bài tập đầy đủ, thái độ tham gia vào các hoạt động trong giờ học. Điểm giữa kỳ được tính bằng các điểm bài tập tuần hoặc bài kiểm tra giữa kỳ. Các hoạt động kiểm tra đánh giá quá trình này được thực hiện thường xuyên để giảng viên có thể đánh giá được năng lực cũng như sự thay đổi năng lực của người học, từ đó có những điều chỉnh về hoạt động dạy học cho phù hợp. Còn điểm cuối kỳ được tính bằng bài kiểm tra tổng hợp. Bài kiểm tra cuối kỳ tập trung vào việc đo lường mức độ tiếp nhận những kiến thức đã học và sự vận dụng vào văn bản dịch của sinh viên. Tuy nhiên, các hoạt động kiểm tra đánh giá đối với học phần biên dịch Việt - Hàn đang được thực hiện ở Bộ môn Hàn Quốc học, Khoa Đông phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội gặp một số những khó khăn nhất định.

Khó khăn đầu tiên là chưa có khung đánh giá, cũng như bộ câu hỏi (bộ đề), tài liệu hướng dẫn ra đề, v.v. cho hoạt động kiểm tra đánh giá học phần biên dịch Việt - Hàn. Giảng viên phụ trách chủ động ra đề dựa trên những nội dung mà mình đã giảng dạy. Giảng viên cũng không dễ để xây dựng cấu trúc đề thi cho học phần biên dịch Việt - Hàn. Đề thi cần đảm bảo đầy đủ kiến thức được trải dài suốt 15 tuần học, bao gồm lý thuyết và thực hành, vận dụng lý thuyết vào các bài thực hành. Định dạng đề thi cần tính toán đến thời gian thi, tiêu chuẩn đánh giá (khả năng sử dụng từ vựng, khả năng sử dụng ngữ pháp, khả năng dịch câu và văn bản, năng lực truyền tải và diễn đạt ý nghĩa), hình thức đánh giá (khách quan, chủ quan, không sử dụng tài liệu hoặc được sử dụng

¹⁵ Nhóm nghiên cứu của Park Seo-young và Park Yeon-kwan đã có bài viết “베한 기계번역 오류 양상 및 포스트에디팅 - 베트남 외교부 입장문을 중심으로-” tập trung vào việc phân tích các lỗi dịch máy và biên tập, dựa trên các văn bản tuyên bố lập trường của Bộ ngoại giao Việt Nam.

tài liệu), nội dung đánh giá (gồm các dạng bài đa dạng khác nhau như điền vào chỗ trống, tìm lỗi không thích hợp, dịch câu, dịch đoạn văn bản, v.v.). Trưởng Bộ môn duyệt đề, kiểm soát lỗi sai và giảng viên chịu trách nhiệm với nội dung đề thi mình ra. Việc định dạng đề thi và ra đề thường mất nhiều thời gian, và cũng có thể bị đánh giá là cảm tính. Nếu tái sử dụng cho các khoá khác thì đề thi có thể bị lộ. Trong trường hợp ra đề mới, ngoài việc tốn công sức, mức độ tương đương giữa các đề, nội dung trọng tâm của học phần khó được đảm bảo. Thêm vào đó, một văn bản không chỉ có một phương án dịch duy nhất. Điều này đòi hỏi giảng viên cần có đánh giá chính xác, khách quan, dựa trên tiêu chí rõ ràng, không dựa theo cảm tính hoặc phong cách dịch ưa thích.

Việc đánh giá bài tập dịch hàng tuần cũng như bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ đôi khi không thật sự chính xác theo thực lực của sinh viên. Với các bài dịch được giao về nhà, bài kiểm tra được tra cứu từ điển và tài liệu thì sinh viên thường nhận sự trợ giúp từ phần mềm dịch máy, nhờ người khác chỉnh sửa giúp trước khi nộp bài. Điều này gây khó khăn cho giảng viên khi đánh giá, đồng thời cũng làm giảm hiệu quả của học phần khi sinh viên không tận dụng các phương tiện hỗ trợ để phát triển năng lực mà lại dựa dẫm vào đó, tạo nên thói quen xấu kìm hãm sự sáng tạo và phát triển.

4.4. Giảng viên và khả năng triển khai giờ học kiến tạo

Nhìn chung, đối với người Việt Nam, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hàn là nội dung khó trong giảng dạy và học tập. Nếu như dịch Hàn - Việt, người dịch làm chủ ngôn ngữ đích, có thể tự tin diễn đạt suôn sẻ sang tiếng Việt khi đã trải qua bước tiếp nhận phân tích văn bản ngôn ngữ nguồn. Nhưng người dịch không dễ sử dụng tiếng Hàn như tiếng mẹ đẻ trong trường hợp tiếng

Hàn đóng vai trò là ngôn ngữ đích. Vì biên dịch không đơn thuần là việc chuyển tải nội dung, mà cần đảm bảo nhiều tiêu chuẩn đánh giá khác trong đó có việc biểu đạt ngôn từ một cách thành thạo. Không dễ để một người Việt Nam có thể sử dụng linh hoạt tiếng Hàn trong những văn bản dịch đòi hỏi tính chính xác, tính hàm ý và cả tính cảm xúc ở mức độ trung cao cấp trở lên. Thậm chí ngay cả với người sử dụng song ngữ, tức là khả năng sử dụng tiếng Hàn và tiếng Việt tương đương nhau thì cũng không đảm bảo rằng có thể dịch tốt được mọi loại hình văn bản. Do vậy, có thể nhìn nhận một cách thẳng thắn rằng bản thân giảng viên cũng gặp không ít khó khăn, tiêu tốn không ít thời gian vào quá trình tìm kiếm phương án phù hợp nhất cho những văn bản thực hành biên dịch Việt - Hàn. Cũng có nhiều ý kiến cho rằng, với nội dung giảng dạy biên dịch Việt - Hàn thì nên để các giảng viên người Hàn Quốc đảm nhiệm. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố, trong đó bao gồm kinh phí giảng dạy, chủ trương sử dụng nhân sự của mỗi trường và quan trọng là khó có thể tìm được giảng viên người Hàn Quốc giỏi tiếng Việt sẵn sàng giảng dạy được học phần biên dịch ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy học phần biên dịch cũng là nội dung mà giảng viên phải tự học tập và cập nhật. Các giảng viên tham gia giảng dạy học phần biên dịch tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội không được đào tạo chuyên nghiệp về dịch thuật. Và theo tìm hiểu của người viết, tình trạng này cũng tương tự ở tất cả các trường có đào tạo học phần biên phiên dịch tiếng Hàn ở Việt Nam. Đại bộ phận các giảng viên tự tích lũy kinh nghiệm biên dịch, rồi truyền đạt những kinh nghiệm của mình có được nhờ thực tiễn và khả năng tự nghiên cứu cho sinh viên. Kinh nghiệm thực tế của mỗi người sẽ khác nhau, quan điểm tiếp nhận lý thuyết về giảng dạy biên dịch của mỗi người

cũng có thể khác nhau. Vì các giảng viên giảng dạy học phần biên dịch Việt - Hàn hiện nay không được đào tạo bài bản về lý thuyết nên một cách rất tự nhiên khi giảng dạy cũng thiên về các bài tập thực hành hơn là trang bị kiến thức lý thuyết nền tảng về biên dịch cho sinh viên. Để đào tạo được những biên dịch viên chuyên nghiệp thì cần nhanh chóng giải quyết khó khăn trước mắt là chuyên môn hoá đội ngũ giảng viên giảng dạy biên dịch.

Giảng viên rất khó thực hiện một lớp học kiến tạo bởi nhiều yếu tố đến từ giáo trình, từ sinh viên. Thông thường với các giáo trình dạy thực hành tiếng đã được chuẩn hoá, theo hệ thống, có đáp án và có sách hướng dẫn giảng dạy trong khi giáo trình dạy biên dịch, đặc biệt là với biên dịch Việt - Hàn thì không được như vậy. Giảng viên vừa dạy vừa từng bước tìm hiểu và thay đổi cho phù hợp với sinh viên, với thời lượng đào tạo. Nội dung bài giảng không phù hợp với sinh viên nhất là trong tình trạng năng lực của sinh viên không đồng đều cũng là một trong những cản trở trong quá trình giáo viên thực hiện phương pháp giảng dạy mang tính gợi mở, thảo luận, đánh giá, v.v.. Trong nhiều giờ học, giảng viên đã phải quay trở về với phương pháp truyền thụ mang tính truyền thống. Tuy rằng phương pháp truyền thụ kiến thức mới cũng giúp sinh viên nâng cao khả năng tiếng Hàn, bồi đắp thêm kiến thức nền tảng nhưng lại chưa hẳn đáp ứng được yêu cầu của giờ dạy và học biên dịch. Mục tiêu của học phần biên dịch là rèn luyện và định hướng để sinh viên có được những kỹ năng quan trọng trong quá trình biên dịch. Để đạt được mục tiêu này một cách hiệu quả, phương pháp tổ chức dạy học của giảng viên đóng vai trò quan trọng. Trong khi sinh viên thiếu tri thức nền, yếu từ vựng chuyên ngành và vẫn mang thói quen học tập thụ động, giảng viên sẽ rất khó khăn để triển khai áp dụng mô hình giảng dạy mới mang tính kiến tạo. Phương pháp giảng

dạy với học phần biên dịch chú trọng đến tính sáng tạo, đổi mới nhưng cũng không dễ để giảng viên có thể áp dụng trong khi bản thân giảng viên cũng có thể lúng túng, và vẫn chưa khắc phục được những khó khăn khách quan.

5. Kết luận

Về cơ bản, các hoạt động được thực hiện trong học phần biên dịch Việt - Hàn đều hướng tới mục tiêu củng cố, tăng cường kiến thức về tiếng Hàn và kiến thức nền tảng liên quan đến Hàn Quốc học. Đặc biệt, thông qua những giờ học về lý thuyết dịch và thực hành biên dịch nhằm trang bị cho sinh viên phương pháp để có thể tự tin trong hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Chỉ với thời lượng đào tạo nhất định, giáo trình tài liệu còn chưa hoàn thiện, và cũng phụ thuộc vào nhiều yếu tố từ chính sinh viên nên khó có thể đào tạo được ngay một biên dịch viên có khả năng dịch suôn sẻ mọi loại hình văn bản. Trước tiên, để giảng viên có thể giảm thiểu thời gian chuẩn bị nội dung giảng dạy, nội dung và thời lượng các tiết dạy được bố trí khoa học và có hệ thống thì cần có giáo trình, tài liệu tham khảo mang tính thống nhất, đồng bộ. Tuy không thể đưa tất cả các chủ đề cũng như văn bản vào nội dung bài thực hành biên dịch, nhưng cần xác định ưu tiên lựa chọn nhóm văn bản rồi đưa vào giảng dạy những loại hình văn bản thông dụng, có tính ứng dụng thực tế nhất. Chúng ta có thể kể đến các loại hình văn bản như: văn bản thiên về thông tin (thư từ, hợp đồng, công văn, v.v.), văn bản thiên về chức năng biểu cảm (văn xuôi, thơ, phụ đề phim, v.v.), văn bản thiên về chuyên ngành (tạp chí chuyên ngành, giao dịch thương mại, v.v.), văn bản thiên về báo chí (thời sự, thông tin văn hoá xã hội, v.v.). Thêm vào đó, việc có được khung đánh giá đồng bộ,

khoa học cũng là yêu cầu cấp thiết để việc giảng dạy biên dịch nói chung và biên dịch Việt - Hàn nói riêng thực sự có hiệu quả.

Ngoài việc khắc phục những khó khăn đến từ giáo trình tài liệu, từ năng lực của người học, từ hoạt động kiểm tra đánh giá, việc cải thiện những khó khăn bắt nguồn từ chính giảng viên cũng là yếu tố then chốt. Không ngừng nâng cao năng lực của bản thân, tích lũy kinh nghiệm, và đặc biệt là linh hoạt trong việc thay đổi phương pháp tổ chức lớp học, v.v. là những yêu cầu được đặt ra đối với giảng viên. Học phần biên dịch Việt - Hàn hướng tới mục đích giúp sinh viên có được một nền tảng vững vàng, tự tin xử lý văn bản theo cách mà mình đã được đào tạo. Giảng viên cần nhấn mạnh các bước cần có trong biên dịch như đã đề cập là tiếp nhận văn bản, sản sinh văn bản và biên tập văn bản để sinh viên định hình thói quen cũng như nhận thức rõ được vai trò và trách nhiệm của người biên dịch. Phải có được nhận thức cơ bản và những kiến thức nền tảng thì sinh viên sau khi ra trường, cùng với kinh nghiệm tích lũy trong quá trình làm việc thực tế mới ngày càng phát triển, hoàn thiện được các kỹ năng dịch của bản thân.

Tài liệu trích dẫn

- Donald, Kiraly. 2000. A Social Constructivist Approach to Translator Education: Empowerment Form Theory to Practice. Manchester, UK: St Jerome Publishing.
- Lê Hùng Tiến. 2022. “Tổng quan về các đường hướng sư phạm dịch thuật trên thế giới và một số gợi ý cho đào tạo biên phiên dịch ở Việt Nam”. Tạp chí *Nghiên cứu nước ngoài* 38 (1): 1-14.
- Nguyễn Thị Như Ngọc. 2020. “Nghiên cứu về phương pháp giảng dạy biên dịch bậc đại học”. Tạp chí *Khoa học xã hội* Thành phố Hồ Chí Minh 10(266): 47-59.
- Trần Thị Hường, Nguyễn Thị Thu Vân, Đỗ Thuý Hằng. 2022. “Bài học về đào tạo biên phiên dịch ở Hàn Quốc để nâng cao chất lượng đào tạo biên phiên dịch tại Việt Nam”. Tạp chí *Nghiên cứu nước ngoài* 38 (1): 69-90.
- 박 서 정. 박 연 관. 2023. 베한 기계번역 오류 양상 및 포스트에디팅-베트남 외교부 입장문을 중심으로-. 한국외국어대학교 동남아연구소 33권 3호, p165-188. (Park-seo Jung, Park-yeon Kwan. 2003. “Phân tích các các lỗi dịch máy và biên tập, dựa trên các văn bản tuyên bố lập trường của Bộ ngoại giao Việt Nam”. Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc. Cuốn 33(3): 165-188).